

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11-2021
V/v “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Năm
2. Ông Hà Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Kim - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà D, sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp Y, xã L, huyện N, tỉnh Long An

2. *Bị đơn:* Ông T, sinh năm: 1976

Địa chỉ: ấp Y, xã L, huyện N, tỉnh Long An

(Bà D có mặt tại phiên tòa. Ông T có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - bà D trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến đầu năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên bạo lực gia đình, mâu thuẫn về kinh tế, ông T đi làm không đem tiền về để lo lắng cho gia đình và nuôi con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Do có quá nhiều mâu thuẫn nên bà và ông T đã ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến

nay. Trong thời gian ly thân, bà đi làm và ở nhà trọ tại xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; còn ông T cư trú và sinh sống tại nhà ở ấp Y, xã L, huyện N, tỉnh Long An. Trong suốt thời gian ly thân, bà và ông T không có thiện chí và giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông T có một con chung tên X, sinh ngày 04/01/2005. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo lời khai tại Tòa án, bị đơn - ông T trình bày: Về thời gian chung sống và kết hôn đúng như bà D đã trình bày. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Các nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của bà D, ông không có ý kiến gì. Tuy nhiên ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà D có một con chung tên X, sinh ngày 04/01/2005. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông không tranh chấp gì về việc nuôi con. Ông đồng ý với yêu cầu của bà D về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày như đã nêu trên, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn D với bị đơn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn T vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà D và ông T chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Long An nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của đương sự thì trong quá trình chung sống, vợ chồng không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Ông T không lo lắng cho vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình. Do có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nên bà D và ông T đã ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà D đi làm và ở nhà trọ tại xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; còn ông T cư trú và sinh sống tại nhà ở ấp Y, xã L, huyện N, tỉnh Long An. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng. Ông

T có tham gia phiên hòa giải tại Tòa án và trình bày ý kiến còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, trong suốt thời gian ly thân, bà D và ông T mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông T cho rằng còn thương vợ nhưng ông không có thiện chí và giải pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa, bà D không đồng ý đoàn tụ gia đình mà kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà D và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, bà D được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà D và ông T có một con chung tên X, sinh ngày 04/01/2005. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy theo văn bản ý kiến của con chung là X thì con chung có nguyện vọng sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Ông T đồng ý với yêu cầu của bà D về việc nuôi con chung, không tranh chấp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao con chung cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của bà D nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

Bà D được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên X, sinh ngày 04/01/2005.

Ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D, ông T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà D có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 0004066 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang án phí, bà D không phải nộp thêm. Ông T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nguyễn Phương Chi

